

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 23 – 5 – 2023

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cánh Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Thạch Thị Xà M**; Sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S (Bà Xà M có mặt).

- *Bị đơn:* **Ông Trà N**; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S (Ông Trà N có mặt).

- Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Thạch Thị Sà P – Nơi công tác: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện T, tỉnh S (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Thạch Thị Xà M trình bày:

Bà với ông Trà N tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và cũng trong năm 2015 ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2015. Ông bà

chung sống hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi. Mỗi lần cự cãi thì ông Trà N lại dùng những lời lẽ rất nặng nề với bà. Trong một lần cãi nhau thì ông Trà N đã đuổi bà Xà M ra khỏi nhà. Bà Xà M đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S sinh sống từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay bà Xà M không còn tình cảm với ông Trà N nữa nên cương quyết ly hôn.

Trong quá trình chung sống, bà Xà M với ông Trà N có một con chung tên Trà Quốc T, sinh ngày 30/7/2016. Hiện cháu đang sống với bà Xà M.

Về tài sản chung: Bà Xà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Thạch Thị Xà M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trà N.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Trà N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Bà Xà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trà N trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Xà M về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Trà N trình bày vào tháng 10 năm 2022, vợ ông có xin ông về nhà cha mẹ vợ chơi nhưng ông không muốn vợ đi vì nhà không có ai trông nom và không ai đưa đón con đi học. Vì chuyện này mà hai vợ chồng đã cãi nhau rồi vợ ông giận ông dẫn con về nhà cha mẹ vợ sinh sống cho đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ ông thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu vợ ông cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông Trà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Xà M ly hôn với ông Trà N. Về con chung: Giao con chung cho bà Xà M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương

sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà Thạch Thị Xà M và ông Trà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Xà M và ông Trà N là hợp pháp.

[2] Xét lý do xin ly hôn của bà Xà M, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà Xà M, ông Trà N hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Xà M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi. Mỗi lần cự cãi thì ông Trà N lại dùng những lời lẽ rất nặng nề với bà. Trong một lần cãi nhau thì ông Trà N đã đuổi bà Xà M ra khỏi nhà. Còn ông Trà N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là vào tháng 10 năm 2022, vợ ông có xin ông về nhà cha mẹ vợ chơi nhưng ông không muốn vợ đi vì nhà không có ai trông nom và không ai đưa đón con đi học. Vì chuyện này mà hai vợ chồng đã cãi nhau rồi vợ ông giận ông dẫn con về nhà cha mẹ vợ sinh sống cho đến nay. Qua lời trình bày của hai người, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông bà có mâu thuẫn với nhau nhưng cả hai đã không tìm cách hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn kéo dài và hai người đã không còn sống chung đầu từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Bà Xà M trình bày bà không còn tình cảm với ông Trà N nữa nên bà cương quyết ly hôn. Ông Trà N tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy bà Xà M, ông Trà N đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Xà M.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị Xà M và ông Trà N có một người con chung tên Trà Quốc T, sinh ngày 30/7/2016, đang sống với bà Xà M. Bà Xà M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Trà N cấp dưỡng nuôi con. Bà Xà M trình bày từ khi hai người không còn sống chung thì ông Trà N cũng không có đưa tiền cho bà nuôi con. Hiện tại, thu nhập của bà mỗi tháng khoảng hơn 6.000.000 đồng nên bà có đủ khả năng để nuôi con. Ông Trà N trình bày từ khi hai vợ chồng không còn sống chung thì ông có qua nhà cha mẹ vợ thăm con khoảng 7, 8 lần (Nhà cha mẹ vợ ông cách nhà ông ở khoảng 25 km – 26 km). Mỗi lần thăm con thì ông có cho con ông từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà Xà M và ông Trà N không còn sống chung thì cháu T sống chung với bà Xà M, do

bà Xà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Xà M có điều kiện về chỗ ở và điều kiện kinh tế để lo cho con sinh hoạt, ăn học. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giao cháu T cho bà Xà M nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Do yêu cầu được nuôi con của bà Xà M được chấp nhận nên yêu cầu được nuôi con của ông Trà N không được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Xà M không yêu cầu nên ông Trà N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà Xà M và ông Trà N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Xà M và ông Trà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Xà M yêu cầu nên bà Xà M phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Xà M.
- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Xà M được quyền ly hôn với ông Trà N.
- Về con chung: Giao cháu Trà Quốc T, sinh ngày 30/7/2016 cho bà Thạch Thị Xà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trà N không phải cấp dưỡng cho con. Ông Trà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trà N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Thạch Thị Xà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trà N. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Xà M và ông Trà N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Bà Thạch Thị Xà M và ông Trà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thạch Thị Xà M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006703 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Thạch Thị Xà M đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã V, thị xã V, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân